

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	15	10					55			
1	132321171	Trương Thị Vân	D13KDN2	10	7	6.6	6.5					6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
2	132321175	Đặng Thị Xuân	D15KDN1	9	8	6	7					6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
3	152310554	Phạm Hồng Thụy	D15KDN1	10	8	9	7					6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu	
4	152320562	Lê Thị Loan	D15KDN1	10	10	5	8					5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
5	152320563	Nguyễn Thị Mi Sa	D15KDN1	10	9	8.5	8					5.6	7.1	Bảy phẩy Một	
6	152320571	Phạm Thị Mỹ Hạnh	D15KDN1	10	9	6	9					4.9	6.4	Sáu phẩy Bốn	
7	152320573	Phạm Thị Ánh Tuấn	D15KDN1	10	9	7	8					6.0	7.1	Bảy phẩy Một	
8	152320577	Lê Thị Kiều Trang	D15KDN1	10	8	8	7					4.2	6.0	Sáu	
9	152320581	Võ Thị Việt Trang	D15KDN1	9	9	6	8					5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
10	152320584	Nguyễn Thị Như Trang	D15KDN1	9	8	8	8					P	P		
11	152320590	Phạm Thị Huế	D15KDN1	9	8	8	7					5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
12	152320600	Lê Thị Tú Nga	D15KDN1	8	8	7	7					5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
13	152320602	Nguyễn Vinh Huy	D15KDN1	10	9	6	8					5.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
14	152320605	Nguyễn Thị Phượng	D15KDN1	10	9	5	7					5.1	6.2	Sáu phẩy Hai	
15	152320620	Huỳnh Thị Thanh Dung	D15KDN1	8	8	7	8					5.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
16	152320623	Nguyễn Thị Phấn	D15KDN1	8	8	6	8					5.9	6.5	Sáu phẩy Năm	
17	152320631	Bùi Thị Thùy Trang	D15KDN1	9	8	7	8					6.1	6.9	Sáu phẩy Chín	
18	152320635	La Thị Mến	D15KDN1	9	8	8	7					5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
19	152320636	Lê Hải Kết	D15KDN1	9	8	6	8					5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
20	152320644	Nguyễn Thị Thu Hương	D15KDN1	10	9	8	8					5.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
21	152320648	Trương Hoàng Diễm	D15KDN1	8	8	7	7					4.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
22	152320661	Lê Khánh Linh	D15KDN1	10	10	8.5	8					7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
23	152320662	Phan Văn Tân	D15KDN1	9	8	8	7					5.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
24	152320675	Trương Thị Minh Hà	D15KDN1	10	8	7	8					4.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
25	152320676	Nguyễn Lý Vy	D15KDN1	9	9	6	8					6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
26	152320683	Phan Văn Nghĩa	D15KDN1	7	8	6	7					5.2	6.0	Sáu	
27	152320686	Phan Thị Khoan	D15KDN1	0	0	0	0					P	P		
28	152320690	Phan Thị Ngân Hà	D15KDN1	10	9	8	6					4.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
29	152320698	Đặng Thị Kiều An	D15KDN1	10	10	9	9					4.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
30	152320712	Trịnh Thị Bích Anh	D15KDN1	10	8	7	6					4.4	5.9	Năm phẩy Chín	

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	15	10								55
31	152320716	Lê Trần Hồng Hạnh	D15KDN1	9	8	7	8					4.4	6.0	Sáu	
32	152320717	Trần Thục Chinh	D15KDN1	10	10	9	9					6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
33	152320722	Đinh Thị Diệu Thương	D15KDN1	10	9	9	7					7.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
34	152320729	Nguyễn Thị Kim Ngân	D15KDN1	0	0	0	0					P	P		
35	152320740	Nguyễn Mỹ Quyên	D15KDN1	9	9	6	8					P	P		
36	152320743	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	D15KDN1	10	10	9	9					4.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
37	152320746	Tạ Nguyên Duy	D15KDN1	10	10	6	9					4.4	6.2	Sáu phẩy Hai	
38	152320749	Trần Thị Hồng Hoa	D15KDN1	8	8	8.5	7					4.5	6.1	Sáu phẩy Một	
39	152320750	Dương Khánh Hiền	D15KDN1	10	9	5	8					4.6	6.0	Sáu	
40	152320751	Nguyễn Thị Anh Đào	D15KDN1	8	8	6	6					4.7	5.7	Năm phẩy Bảy	
41	152320754	Phạm Thị Tý	D15KDN1	8	8	9	8					5.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
42	152320756	Hoàng Quốc Lập	D15KDN1	8	7	6	7					4.3	5.5	Năm phẩy Năm	
43	152320767	Hoàng Sông Hương	D15KDN1	7	7	8	7					4.4	5.7	Năm phẩy Bảy	
44	152320776	Phan Thị Hương	D15KDN1	8	8	5	7					3.8	0.0	Không	
45	152320777	Trần Hồ Hạnh	D15KDN1	10	9	6	8					7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
46	152320779	Trần Thị Liên	D15KDN1	9	8	5	7					3.8	0.0	Không	
47	152320780	Cao Thị Kim Tiền	D15KDN1	10	9	8	8					7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
48	142320770	Nguyễn Phương Dung	D15KDN2	9	8.5	9.8	8					8.9	8.9	Tám phẩy Chín	
49	152310527	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	D15KDN2	10	8.5	8.3	9.1					8.9	8.9	Tám phẩy Chín	
50	152310557	Trần Thị Lệ Chi	D15KDN2	9	8.5	9	8					5.6	7.0	Bảy	
51	152320567	Trần Thị Khánh Vân	D15KDN2	10	9	8.3	7.3					5.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
52	152320574	Lê Thị Thanh Huyền	D15KDN2	10	9	8.2	8.6					6.4	7.5	Bảy phẩy Năm	
53	152320582	Võ Thị Hiệp	D15KDN2	9	9	8.2	9					5.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
54	152320587	Nguyễn Thị Hồng Linh	D15KDN2	10	9.5	8.1	8.2					4.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
55	152320608	Nguyễn Thị Thìn	D15KDN2	10	9.5	8.5	5					3.9	0.0	Không	
56	152320611	Lê Thị Liễn	D15KDN2	10	8.5	8.8	5.6					3.2	0.0	Không	
57	152320618	Nguyễn Thị Hữu Ngân	D15KDN2	8	8.5	8.8	7					6.2	7.1	Bảy phẩy Một	
58	152320621	Phạm Mai Thuỳ Linh	D15KDN2	8	0	0	0					P	P		
59	152320628	Lý Thị Ngọc Ánh	D15KDN2	10	9	8.3	8.1					5.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
60	152320630	Huỳnh Văn Tùng	D15KDN2	10	8.5	8.2	8					4.8	6.5	Sáu phẩy Năm	

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				10	10	15	10						55	SỐ	CHỮ
61	152320641	Đặng Thị Nguyên	D15KDN2	8	8.5	8.3	7.7					4.3	6.0	Sáu	
62	152320642	Dương Thị Lý	D15KDN2	10	9	9.5	7.8					5.2	7.0	Bảy	
63	152320652	Nguyễn Thị Ánh Phương	D15KDN2	10	8.5	8.7	8.6					6.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
64	152320654	Nguyễn Thị Chim Yến	D15KDN2	9	9	7.5	8.6					6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
65	152320658	Bùi Thị Thanh Thủy	D15KDN2	10	9	8	8.1					5.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	
66	152320663	Dương Thị Kim Oanh	D15KDN2	10	9.5	6.8	6.3					5.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
67	152320664	Lê Thị Mỹ Hạnh	D15KDN2	9	9	7.5	8					6.1	7.1	Bảy phẩy Một	
68	152320665	Nguyễn Thị Thu Hương	D15KDN2	10	9.5	8.3	9.1					5.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
69	152320668	Huỳnh Thị Khánh Trinh	D15KDN2	10	9	8.7	8.6					7.7	8.3	Tám phẩy Ba	
70	152320670	Nguyễn Thị Ngọc Lanh	D15KDN2	10	9	8.2	7.9					5.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
71	152320678	Trần Thị Trà Nhi	D15KDN2	8	5	7.2	9.2					5.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
72	152320680	Hoàng Kim Minh	D15KDN2	9	8.5	8.5	7.8					5.2	6.7	Sáu phẩy Bảy	
73	152320681	Võ Văn Hà	D15KDN2	9	9	8.8	7.5					4.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
74	152320682	Lý Thị Hồng Nga	D15KDN2	10	9	8.5	8					5.5	7.0	Bảy	
75	152320684	Nguyễn Thị Thắm	D15KDN2	9	8.5	8.7	8.4					6.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
76	152320685	Dương Thị Thuý Trâm	D15KDN2	10	9	8.5	8.7					6.9	7.8	Bảy phẩy Tám	
77	152320691	Lê Thị Mỹ Duyên	D15KDN2	10	8.5	8.3	8.3					6.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
78	152320694	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	D15KDN2	9	9	8.8	7.6					4.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
79	152320695	Thái Thị Phương	D15KDN2	10	9	6.3	8.5					5.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
80	152320697	Hà Đặng Lan Phương	D15KDN2	9	9	8.8	7.5					5.9	7.1	Bảy phẩy Một	
81	152320705	Lê Thị Mai Trang	D15KDN2	10	9	8.8	8.1					6.4	7.6	Bảy phẩy Sáu	
82	152320707	Thái Ngọc An	D15KDN2	8	9	8.2	7.9					5.9	7.0	Bảy	
83	152320708	Trần Thị Mai Lan	D15KDN2	10	10	9.3	7					6.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
84	152320713	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	D15KDN2	10	9	8.7	7.8					5.5	7.0	Bảy	
85	152320715	Trần Thị Bích Loan	D15KDN2	8	8	8.3	8.1					5.1	6.5	Sáu phẩy Năm	
86	152320739	Nguyễn Thị Hồng Sâm	D15KDN2	9	8.5	7.8	8.3					6.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
87	152320745	Hồ Việt Kiêm	D15KDN2	9	8.5	7.8	7					4.3	6.0	Sáu	
88	152320747	Hồ Thị Hà	D15KDN2	10	8.5	8.5	5.2					3.9	0.0	Không	
89	152320771	Lương Thị Hồng	D15KDN2	10	8	8.3	9.6					5.9	7.3	Bảy phẩy Ba	
90	152320772	Cáp Thị Hòa	D15KDN2	10	8	8.5	8.4					5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	15	10								55
91	152320786	Võ Quang	Nam	D15KDN2	10	5	8.2	8.9					6.2	7.0	Bảy
92	142320850	Nguyễn Thị Hải	Vân	D15KDN3	10	9	7.8	6.5					6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn
93	152310493	Nguyễn Thị	Cẩm	D15KDN3	8	7	6	5					5.7	6.0	Sáu
94	152310494	Võ Thị Huyền	Trang	D15KDN3	7	6	4	5.5					5.8	5.6	Năm phẩy Sáu
95	152310506	Lê Thị Tâm	Anh	D15KDN3	8	7	4.6	6.5					6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
96	152310531	Nguyễn Thị Hằng	Nga	D15KDN3	8	7	7.8	8					6.1	6.8	Sáu phẩy Tám
97	152320564	Huỳnh Thị Kim	Nga	D15KDN3	10	9	6	6.5					5.9	6.7	Sáu phẩy Bảy
98	152320568	Trần Thị Ánh	Hòa	D15KDN3	10	8	6	6.5					5.4	6.3	Sáu phẩy Ba
99	152320580	Đoàn Thị Hoàng	Vy	D15KDN3	9	8	4.8	5.5					5.0	5.7	Năm phẩy Bảy
100	152320585	Hà Trung	Lưu	D15KDN3	10	8	5.8	6					4.9	6.0	Sáu
101	152320593	La	Minh	D15KDN3	6	5	4	6.5					5.7	5.5	Năm phẩy Năm
102	152320594	Nguyễn Thị Thu	Yến	D15KDN3	9	9	6.2	5.5					4.4	5.7	Năm phẩy Bảy
103	152320595	Dương Thị Hồng	Tượng	D15KDN3	10	9	6.8	5					4.8	6.1	Sáu phẩy Một
104	152320604	Trần Ngô Tường	Như	D15KDN3	8	7	6.8	4.5					5.2	5.8	Năm phẩy Tám
105	152320606	Hồ Thị Diệu	Linh	D15KDN3	10	8	6	5					6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy
106	152320609	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	D15KDN3	8	7	6.6	6					6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn
107	152320612	Bùi Văn	Hùng	D15KDN3	8	7	6.8	5					6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn
108	152320613	Nguyễn Đa	Phúc	D15KDN3	8	7	7.4	5.5					5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn
109	152320614	Hoàng Thị Bích	Thủy	D15KDN3	8	7	7.8	5					5.2	6.0	Sáu
110	152320616	Lê Thị Thanh	Tâm	D15KDN3	8	7	6.2	5.5					6.4	6.5	Sáu phẩy Năm
111	152320624	Lê Thị Đan	Phượng	D15KDN3	8	8	9	8					8.7	8.5	Tám phẩy Năm
112	152320625	Vương Thị Cẩm	Thanh	D15KDN3	9	8	7.4	5					6.5	6.9	Sáu phẩy Chín
113	152320627	Nguyễn Thị	Oanh	D15KDN3	7	6	5.8	4					4.9	5.3	Năm phẩy Ba
114	152320632	Phan Thị Thu	Huyền	D15KDN3	10	9	4.8	5.5					5.3	6.1	Sáu phẩy Một
115	152320638	Lê Quang	Viên	D15KDN3	9	8	6.6	5					3.5	0.0	Không
116	152320639	Bùi Văn	Bằng	D15KDN3	9	8	5.6	4.5					P	P	
117	152320643	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	D15KDN3	10	9	6.5	6.5					5.1	6.3	Sáu phẩy Ba
118	152320655	Phạm Thị Thùy	Trang	D15KDN3	9	9	6.8	4.5					4.2	5.6	Năm phẩy Sáu
119	152320656	Nguyễn Thị Thanh	Hương	D15KDN3	8	7	6.4	7					6.1	6.5	Sáu phẩy Năm
120	152320657	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D15KDN3	10	9	7.4	6.5					6.4	7.2	Bảy phẩy Hai

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	15	10								55
121	152320671	Hồ Thị Thu Hà	D15KDN3	8	7	6.6	6.5					4.9	5.8	Năm phẩy Tám	
122	152320677	Trương Thị Sen	D15KDN3	8	7	6.2	5					4.6	5.5	Năm phẩy Năm	
123	152320696	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	D15KDN3	10	9	6.6	6					5.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
124	152320704	Nguyễn Thị Phương Nguyên	D15KDN3	9	8	6.8	7					5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
125	152320710	Phạm Thành Tâm	D15KDN3	9	8	6.6	5					4.8	5.8	Năm phẩy Tám	
126	152320721	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	D15KDN3	8	8	5.4	6.5					4.9	5.8	Năm phẩy Tám	
127	152320723	Nguyễn Minh Phương	D15KDN3	10	9	7	5					6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
128	152320726	Đào Thị Phương Lan	D15KDN3	8	7	6.8	7					6.8	7.0	Bảy	
129	152320755	Trần Hoài Thương	D15KDN3	10	9	7.4	6.5					5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
130	152320761	Lê Thị Hải	D15KDN3	8	7	6.8	4					5.8	6.1	Sáu phẩy Một	
131	152320763	Nguyễn Ngọc Duy Phương	D15KDN3	7	6	6.6	8					5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
132	152320766	Cao Thị Hoa	D15KDN3	9	8	4.6	5					3.5	0.0	Không	
133	152320782	Nguyễn Thị Kim Dung	D15KDN3	10	8	7.2	5					4.6	5.9	Năm phẩy Chín	
134	152320784	Trần Thị Cẩm Trinh	D15KDN3	8	7	6	6					4.6	5.5	Năm phẩy Năm	
135	152320787	Lê Thị Thu	D15KDN3	9	8	6	6					5.9	6.4	Sáu phẩy Bốn	
136	152310489	Lê Thị Vinh Hạnh	D15KDN4	8	5	6	5					4.9	5.4	Năm phẩy Bốn	
137	152310528	Lê Thị Thanh Thuý	D15KDN4	8	6	5.6	7					5.9	6.2	Sáu phẩy Hai	
138	152320569	Trần Thị Hoàn	D15KDN4	10	8	5.4	6.5					6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
139	152320572	Nguyễn Thị Hưng	D15KDN4	5	5	3.4	5					4.6	4.5	Bốn phẩy Năm	
140	152320576	Nguyễn Thụy Giáng Thi	D15KDN4	9	6	6.2	7					4.9	5.8	Năm phẩy Tám	
141	152320578	Nguyễn Thị Vân	D15KDN4	9.5	9	6.6	8					6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
142	152320579	Chu Thị Hồng Đàm	D15KDN4	10	7	6.4	8					6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
143	152320588	Bùi Thị Thu Nguyệt	D15KDN4	10	8	7.6	8.5					5.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
144	152320589	Nguyễn Đỗ Oanh Oanh	D15KDN4	10	6	5	8					5.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
145	152320596	Đào Thị Bích Lanh	D15KDN4	8	7	4	7.5					6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
146	152320597	Trần Thị Thuý Trang	D15KDN4	9	9	7	5					5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
147	152320598	Nguyễn Thị Vân Anh	D15KDN4	9	7	5	7					6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
148	152320615	Phan Thị Minh Phương	D15KDN4	7	6	7.4	7					6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
149	152320619	Nguyễn Thị Hải Yến	D15KDN4	8.5	6	3.2	7					4.9	5.3	Năm phẩy Ba	
150	152320626	Lê Thị Kim Hoa	D15KDN4	8	5	6.8	6					P	P	Nợ HP	

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				10	10	15	10						55	SỐ	CHỮ
151	152320634	Lê Thị Nga	D15KDN4	9	6	6.4	8					4.7	5.8	Năm phẩy Tám	
152	152320637	Khưu Thị Minh	D15KDN4	9	7	7.2	8					5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
153	152320645	Trương Hồng	D15KDN4	8	6	5.4	7					6.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
154	152320650	Nguyễn Thị Thành	D15KDN4	9.5	7	6.2	8					6.2	6.8	Sáu phẩy Tám	
155	152320651	Trần Thị Lệ	D15KDN4	10	10	5.8	8					5.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
156	152320659	Lê Thị Ly	D15KDN4	10	9	7.2	6					6.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
157	152320660	Trương Thị	D15KDN4	10	7	6.2	8.5					6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
158	152320666	Hồ Thị Ngọc	D15KDN4	9	10	8	8					8.7	8.7	Tám phẩy Bảy	
159	152320669	Võ Thị Tố	D15KDN4	10	7	3.4	6.5					5.8	6.1	Sáu phẩy Một	
160	152320688	Lê Thị Thuỳ	D15KDN4	10	8	7	8.5					6.4	7.2	Bảy phẩy Hai	
161	152320689	Lê Thị Như	D15KDN4	10	10	4.8	8.5					6.1	6.9	Sáu phẩy Chín	
162	152320692	Trần Thị Mỹ	D15KDN4	10	6	5.4	7.5					6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
163	152320693	Nguyễn Thị	D15KDN4	5	8	7.8	9					8.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
164	152320699	Nguyễn Trần Tiên	D15KDN4	10	6	6.2	9					5.4	6.4	Sáu phẩy Bốn	
165	152320702	Hồ Thị Tường	D15KDN4	6	5	5.6	7.5					4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
166	152320711	Lê Thị Cẩm	D15KDN4	9	7	7.6	8					4.5	6.0	Sáu	
167	152320727	Nguyễn Thị Ngọc	D15KDN4	9.5	8	5.8	8					4.7	6.0	Sáu	
168	152320735	Hồ Thị Ly	D15KDN4	6	5	4.6	7.5					5.6	5.6	Năm phẩy Sáu	
169	152320737	Lê Thị	D15KDN4	10	6	5	6					4.6	5.5	Năm phẩy Năm	
170	152320744	Nguyễn Khoa	D15KDN4	9	6	8	6					6.8	7.0	Bảy	
171	152320757	Nguyễn Thị	D15KDN4	9	6	6.4	8					4.2	5.6	Năm phẩy Sáu	
172	152320768	Phạm Trọng	D15KDN4	8	6	4.6	7					4.7	5.4	Năm phẩy Bốn	
173	152320769	Lương Thị Ngọc	D15KDN4	10	6	6.8	6					6.8	7.0	Bảy	
174	152320783	Võ Thị	D15KDN4	10	6	6.8	8					7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
175	132326128	Nguyễn Văn	K13KDN4	6	6	3.2	7					4.4	4.8	Bốn phẩy Tám	